

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27 -10 - 2017

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

C tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân.

2. Ông Đỗ Văn Chung.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 100/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường TST, thị xã ST, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 3, xã HG, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2017, bản tự khai ngày 18/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phùng Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Trịnh Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TST, thị xã ST, Thành Phố Hà Nội ngày 21/9/2007. Từ khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm

sống và trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, hai bên không có trách nhiệm quan tâm tình cảm với nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc hay cãi vã nhau. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2010. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Trịnh Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trịnh Minh C, sinh ngày 19/11/2007, ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ(một triệu đồng) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2017 bị đơn anh Trịnh Văn C trình bày: Anh và chị Phùng Thị H tự nguyện tìm hiểu kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây, Thành Phố Hà Nội ngày 21/9/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc từ năm 2010 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hay cãi vã nhau, cũng từ năm 2010 vợ chồng sống ly thân, nay chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trịnh Minh C, sinh ngày 19/11/2007, Hiện nay cháu đang ở với chị H, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu cháu C có nguyện vọng ở với mẹ, anh C đồng ý theo nguyện vọng của cháu C, anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ(một triệu đồng) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh C đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C và chị H.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Trịnh Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống thường xuyên cãi vã lẫn nhau; Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 không quan tâm trách nhiệm gì với nhau, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trịnh Minh C, sinh ngày 19/11/2007, ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Cháu C có nguyện vọng ở cùng chị H, anh C không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ/tháng là phù hợp với điều kiện sinh hoạt của cháu C và khả năng kinh tế của hai bên.

[4]. Về tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phùng Thị H và anh Trịnh Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trịnh Minh C, sinh ngày 19/11/2007 cho chị Phùng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Trịnh Văn C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu C tròn 18 tuổi.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh C phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm thi hành án bằng 50% mức lãi xuất giới hạn.

Anh C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004725 ngày 15/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung chị H đã nộp đủ án phí. Buộc anh Trịnh Văn C phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trở đồng hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt